

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHẨM LOẠI TỨC QUYỂN 8

Phẩm 6: BIỆN VỀ THẬU GIỮ, Phần 4

Chánh kiến là gì? Nghĩa là các hàng đệ tử của bậc Thánh, đối với bốn Thánh đế khổ-tập-diệt-đạo luôn suy tư, tìm xét kỹ lưỡng, luôn tác ý tương ứng với vô lậu. Đối với các pháp tuyển chọn, tuyển chọn kỹ, tuyển chọn thật cùng tột và hiểu rõ, đều hiểu rõ, khắp hiểu rõ, hiểu rõ gần, hiểu biết thấu suốt, xét đoán tinh tường, tuệ hạnh sáng suốt hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là chánh kiến.

Chánh tư duy là gì? Nghĩa là các hàng đệ tử của bậc Thánh, đối với bốn Thánh đế khổ-tập-diệt-đạo luôn suy tư, tìm xét kỹ lưỡng, luôn tác ý tương ứng với vô lậu. Các tâm luôn tìm cầu, khắp tìm cầu, tìm cầu suy tính hiện tiền và lại tìm cầu truy cứu các thứ khác, suy tư nghĩ ngợi tột độ, tính chất luôn suy tư nghĩ ngợi. Đó là chánh tư duy.

Chánh ngữ là gì? Nghĩa là các hàng đệ tử của bậc Thánh, đối với bốn Thánh đế khổ-tập-diệt-đạo luôn suy tư, tìm xét kỹ lưỡng. Trừ bỏ cuộc sống tà vạy với bốn lời nói xấu ác. Còn đối với những lời nói xấu ác khác thì dùng sức chọn lựa quả quyết mà hướng dẫn nó đến vô lậu. Tìm cách xa lìa thôi dứt các thứ, lánh xa riêng rẽ. Luôn giữ gìn giới hạnh và sống cuộc sống yên tĩnh. Không gây tạo, không hủy phạm các giới hạn đã phân định. Đối với các cấm cản về đê điều, bờ đất, cầu cống, thuyền bè..., đều không hủy bỏ, trái nghịch, vượt hạn định. Đó là chánh ngữ.

Chánh nghiệp là gì? Nghĩa là các hàng đệ tử của bậc Thánh, đối với bốn Thánh đế khổ-tập-diệt-đạo luôn suy tư, tìm xét kỹ lưỡng. Trừ bỏ cuộc sống tà vạy với ba nghiệp ác của thân. Đối với các hạnh xấu khác của thân thì dùng sức chọn lựa quả quyết dẫn nó đến vô lậu. Tìm cách xa lìa thôi dứt các thứ, lánh xa riêng rẽ, sống yên tịnh, giữ gìn

giới hạnh, quy tắc. Không gây tạo, không hủy phạm các giới hạn đã phân định. Đối với các quy tắc cấm cản của bờ đất, đê điều, cầu cống, thuyền bè... thì không bỏ, không trái, không vượt hạn định. Đó là chánh nghiệp.

Chánh mạng là gì? Nghĩa là các hàng đệ tử của bậc Thánh, đối với bốn Thánh đế khổ-tập-diệt-đạo luôn suy tư, tìm xét kỹ lưỡng. Đối với cách sống tà vạy với các hành ác của thân và ngữ, nhờ sức chọn lựa quả quyết mà hướng dẫn đến với vô lậu. Tìm cách xa lìa, thôi dứt các thứ, lánh xa riêng rẽ, sống yên tĩnh, giữ gìn các quy tắc, giới hạnh. Không gây tạo, hủy phạm các giới hạn đã phân định. Đối với các quy tắc cấm cản của bờ đất, đê điều, cầu đường, thuyền bè... thì không bỏ, không trái, không vượt hạn định. Đó là chánh mạng.

Chánh tinh tiến là gì? Nghĩa là các hàng đệ tử của bậc Thánh, đối với bốn Thánh đế khổ-tập-diệt-đạo luôn suy tư, tìm xét kỹ lưỡng, luôn tác ý tương ứng với vô lậu. Các thứ siêng năng thì phát khởi mạnh mẽ, hăng hái khó can ngăn, lòng luôn cố gắng không hề ngưng nghỉ, luôn có tính chất rất hăng hái. Đó là chánh tinh tiến.

Chánh niệm là gì? Nghĩa là các hàng đệ tử của bậc Thánh, đối với bốn Thánh đế khổ-tập-diệt-đạo luôn suy tư, tìm xét kỹ lưỡng, luôn tác ý tương ứng với vô lậu. Với các nhớ nghĩ (niệm) luôn tùy niệm, nhớ nghĩ theo, nhớ nghĩ riêng biệt, nhớ lại không để quên mất, không trái, không quên mất các pháp tánh, tính chất nơi tâm sáng nhớ kỹ. Đó là chánh niệm.

Chánh định là gì? Nghĩa là các hàng đệ tử của bậc Thánh, đối với bốn Thánh đế khổ-tập-diệt-đạo luôn suy tư, tìm xét kỹ lưỡng, luôn tác ý tương ứng với vô lậu. Các pháp khiến tâm trụ đều trụ, an trụ, trụ gần, trụ vững chắc, không hề phân tán, loạn động, luôn thấu giữ chặt chẽ, tính chất nơi tâm luôn chuyên chú vào một cảnh. Đó gọi là chánh định.

Kiết ái là gì? Tức là sự tham của ba cõi.

Kiết giận dữ là gì? Tức là đối với các loài hữu tình luôn gây những thương tổn, tàn hại.

Kiết kiêu mạn là gì? Tức là bảy thứ mạn.

Kiết vô minh là gì? Tức là sự ngu si vô trí trong ba cõi.

Kiết kiến là gì? Tức là ba thứ kiến chấp.

Kiến thủ là gì? Tức là hai thứ thủ (chấp giữ).

Kiết nghi là gì? Nghĩa là đối với những gì chân thật chắc chắn nhất, thì luôn ngờ vực, do dự, hoang mang.

Kiết ganh tỵ là gì? Tức là ganh ghét.

Kiết keo kiệt là gì? Nghĩa là tâm luôn luôn tham lam, tiếc lẫn, bôn sên...

Chỗ ở thứ nhất của loài hữu tình là gì? Nghĩa là loài hữu tình có sắc, khác thân - khác tướng, như loài người và một phần các cõi trời. Đó là chỗ ở thứ nhất. Vì theo thứ tự nó đứng hàng đầu. Nói là chỗ ở của loài hữu tình, nghĩa là các loài hữu tình ở đó đều ở và sống riêng biệt theo từng vị trí, do đó mà hiển bày rõ chỗ thọ sinh của chúng, nên gọi là chỗ ở của loài hữu tình.

Chỗ ở thứ hai của loài hữu tình là gì? Nghĩa là loài hữu tình có sắc, khác thân nhưng cùng một loại tướng, như cõi trời Phạm chúng thời kiếp đầu tiên, đó là chỗ ở thứ hai. Gọi là chỗ ở của loài hữu tình thì như trước đã nói.

Chỗ ở thứ ba của loài hữu tình là gì? Nghĩa là loài hữu tình có sắc, một loại thân- khác tướng, như cõi trời Cực tịnh quang, đó là chỗ ở thứ ba của loài hữu tình, vì theo thứ tự nó là thứ ba. Nghĩa về chỗ ở của loài hữu tình như trước đã nói.

Chỗ ở thứ tư của loài hữu tình là gì? Tức là loài hữu tình có sắc, có một loại thân và một loại tướng, như cõi trời Biến tịnh, là chỗ ở thứ tư của loài hữu tình, vì theo thứ tự nó là thứ tư. Nghĩa về chỗ ở của loài hữu tình thì như trước đã nói.

Chỗ ở thứ năm của loài hữu tình là gì? Tức là loài hữu tình có sắc, không có tướng- không khác tướng, như hữu tình cõi trời Vô tướng, đó là chỗ ở thứ năm của loài hữu tình, vì theo thứ tự nó là thứ năm. Nghĩa về chỗ ở của loài hữu tình thì như trước đã nói.

Chỗ ở thứ sáu của loài hữu tình là gì? Tức là loài hữu tình không có sắc, vượt ra ngoài tất cả sắc- tướng, diệt hết các tướng có đối, không còn nghĩ ngợi suy tưởng, nhập vào vô biên không, trụ đầy đủ vào Không vô biên xứ, như cõi trời Không vô biên xứ. Thứ sáu và nghĩa về chỗ ở của loài hữu tình thì như trước đã nói.

Chỗ ở thứ bảy của loài hữu tình là gì? Tức là loài hữu tình không có sắc, vượt ra ngoài tất cả không vô biên xứ, nhập vào vô biên thức, trụ đầy đủ vào Thức vô biên xứ, như cõi trời Thức vô biên xứ, đó là chỗ ở thứ bảy của loài hữu tình.

Chỗ ở thứ tám của loài hữu tình là gì? Tức là loài hữu tình không có sắc, vượt ra ngoài tất cả thức vô biên xứ, nhập vào vô sở hữu, trụ đầy đủ vào Vô sở hữu xứ, như cõi trời Vô sở hữu xứ, đó là chỗ ở thứ tám của loài hữu tình.

Chỗ ở thứ chín của loài hữu tình là gì? Nghĩa là loài hữu tình

không có sắc, vượt ra ngoài tất cả vô sở hữu xứ, nhập và trụ đầy đủ vào Phi tướng phi phi tướng xứ, như cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ. Đó là chỗ ở thứ chín của loài hữu tình. Nghĩa về chỗ ở của loài hữu tình thì như trước đã nói.

Biển xứ thứ nhất là gì? Nghĩa là một loại tướng khắp nơi đều là đất, tất cả trên dưới và các phía đều một thứ không lường được. Đây là biển xứ thứ nhất, vì theo thứ tự thì nó ở hàng đầu. Lại xét về thiên định thì nó cũng ở bậc đầu tiên, ở trong định này thì tất cả sắc-thọ-tướng-hành-thức đều thiện. Đó gọi là biển xứ.

Các thứ biển xứ về nước, lửa, gió, màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng đều như thế.

Biển xứ thứ chín là gì? Nghĩa là một loại tướng khắp nơi đều là một khoảng không, tất cả trên dưới các phía đều là khoảng không, một thứ duy nhất và không lường định được. Đó là biển xứ thứ chín, vì theo thứ tự và xét theo bậc thiên định nó ở hàng thứ chín. Ở trong định này, tất cả sắc- thọ- tướng- hành- thức đều thiện. Đó gọi là biển xứ.

Biển xứ Thức vô biên xứ cũng như thế.

Các thứ chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tiến, chánh niệm, chánh định vô học, như tám chi Thánh đạo đã nói.

Chánh thắng giải vô học là gì? Nghĩa là các hàng đệ tử của bậc Thánh, đối với khổ-tập-diệt-đạo luôn suy tư tìm xét kỹ lưỡng, nên đối với vô học mà tác ý tương ứng thì đạt được thắng giải ngay hiện tiền. Đó gọi là chánh thắng giải vô học.

Chánh trí vô học là gì? Tức là tận trí và vô sinh trí, gọi là chánh trí vô học.

Sắc hữu lậu là gì? Nghĩa là hết thấy các sắc hữu lậu có chấp giữ, có mặt xuyên suốt cả hoặc quá khứ- hiện tại hay vị lai, đối với nó mà khởi dục- tham- giận- si, hoặc tùy theo các thứ tâm sở, tùy phiền não cùng sinh ra đúng lúc, đúng hoàn cảnh..., đều gọi là sắc hữu lậu.

Sắc vô lậu là gì? Nghĩa là có các sắc vô lậu không có chấp giữ, nơi các sắc đó trong các thời quá khứ- hiện tại hay vị lai, đối với hoặc dục-tham-sân-si, hoặc tùy theo các thứ tâm sở, tùy phiền não lúc có thể sinh khởi thì không sinh, đó gọi là sắc vô lậu.

Các thứ thọ- tướng- hành- thức hữu lậu và vô lậu cũng giống như thế.

Pháp vô vi là gì? Nghĩa là ba thứ vô vi, tức là hư không- phi trạch diệt- trạch diệt.

Còn mười hai xứ- mười tám giới, như đã nói rõ trong phẩm Biện về bảy sự.

Nhãn căn là gì? Nghĩa là mắt đối với sắc đã thấy-đang thấy-sẽ thấy, cùng với sắc đồng phần.

Nhĩ căn là gì? Nghĩa là tai đối với âm thanh đã nghe- đang nghe-sẽ nghe, cùng với tiếng đồng phần.

Tỷ căn là gì? Nghĩa là mũi đối với hương đã ngửi- đang ngửi- sẽ ngửi, cùng với hương đồng phần.

Thiệt căn là gì? Tức là lưỡi đối với vị đã nếm- đang nếm- sẽ nếm, cùng với vị đồng phần.

Thân căn là gì? Tức là thân đối với xúc chạm đã xúc chạm- đang xúc chạm - sẽ xúc chạm, cùng với xúc đồng phần.

Nữ căn là gì? Nghĩa là một phần ít của thân căn.

Nam căn là gì? Nghĩa là một phần ít của thân căn.

Mạng căn là gì? Tức là thọ mạng trong ba cõi.

Ý căn là gì? Tức là sáu thức nơi thân.

Lạc căn là gì? Nghĩa là các thọ vui khi tiếp xúc khởi lên khiến thân vui tâm vui, các thọ bình đẳng, do thọ thâm giữ thì gọi là lạc căn.

Khổ căn là gì? Nghĩa là các thọ khổ do khi tiếp xúc mà có, khiến thân khổ và các thọ không bình đẳng, do thọ thâm giữ thì gọi là khổ căn.

Hỷ căn là gì? Nghĩa là các thọ mừng do khi tiếp xúc mà có, khiến tâm vui tâm mừng, các thọ bình đẳng, do thọ thâm giữ thì gọi là hỷ căn.

Ưu căn là gì? Nghĩa là các thọ lo buồn do khi tiếp xúc mà có, khiến tâm lo buồn, các thọ không bình đẳng, do thọ thâm giữ thì gọi là ưu căn.

Xả căn là gì? Nghĩa là các thọ buông xả do khi tiếp xúc mà có, khiến thân tâm cùng buông xả, các thọ không phải bình đẳng, không phải không bình đẳng, do thọ thâm giữ thì gọi là xả căn.

Tín căn là gì? Nghĩa là dựa vào các pháp thiện do xuất ly, xa lìa tạo nên các thứ tin tưởng, tính chất tin tưởng, tính chất tin tưởng tăng thượng, chịu nhận làm việc, ham thích gây tạo, tính chất nơi tâm lắng đọng, trong sạch, yên tĩnh. Đó gọi là tín căn.

Tinh tiến căn là gì? Tức là dựa vào pháp thiện do xuất ly và xa lìa tạo nên các thứ siêng năng, chuyên cần đều phát khởi mạnh mẽ, khó can ngăn, lòng cố gắng không ngừng nghỉ, tính chất nơi tâm rất hăng hái. Đó gọi là tinh tiến căn.

Niệm căn là gì? Tức là dựa vào pháp thiện do xuất ly và xa lìa tạo nên các thứ niệm, đều tùy niệm, nhớ nghĩ riêng lẻ, nhớ lại không để

quên mất, không sót lọt, không quên pháp tánh, tính chất nơi tâm sáng suốt nhớ kỹ. Đó gọi là niệm căn.

Định căn là gì? Tức là dựa vào pháp thiện do xuất ly và xa lìa tạo nên các niệm khiến tâm trụ, đều trụ, an trụ, trụ gần, trụ vững chắc, không hề phân tán, loạn động, luôn ngăn giữ, tính chất nơi tâm luôn chuyên chú vào một cảnh. Đó gọi là định căn.

Tuệ căn là gì? Nghĩa là nương vào các pháp thiện do xuất ly và xa lìa tạo nên. Đối với các pháp thì lựa chọn, chọn lựa kỹ lưỡng tột cùng, hiểu rõ, đều hiểu rõ, hiểu rõ khắp, hiểu rõ gần, hiểu rõ thấu suốt, xét đoán tinh tường, tuệ hành sáng thông nơi Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là tuệ căn.

Vị tri đương tri căn là gì? Nghĩa là loại Bồ-đặc-già-la đã nhập vào chánh tánh ly sinh, có các thứ tuệ có học như tuệ căn. Do các căn này, các bậc tùy tín hành, tùy pháp hành đối với việc chưa hiện quán về bốn Thánh đế thì sẽ được hiện quán đầy đủ. Đó gọi là Vị tri đương tri căn.

Dĩ tri căn là gì? Tức là loại Bồ-đặc-già-la đạt đủ các thứ nhận biết đã hiện quán các thứ tuệ có học như tuệ căn v.v..., do các căn ấy mà có tín, thắng giải, kiến... cho đến thân chứng. Đối với việc đã hiện quán về bốn Thánh đế thì đạt được các công đức tốt đẹp nhất. Đó gọi là dĩ tri căn.

Cụ tri căn là gì? Tức là các bậc A-la-hán đã diệt hết các lậu, hiện bày các thứ tuệ vô học và các tuệ căn, do các căn này mà có tuệ giải thoát, giải thoát đầy đủ..., đều được trụ vào pháp vui ở hiện đại. Đó gọi là cụ tri căn.

Còn chín mươi tám tùy miên, như trước đã nói.

Các pháp là những gì được hiểu biết- nhận thức- thông đạt, các pháp là sở duyên, các pháp tăng thượng thì thâm nhiếp: Mười tám giới- mười hai xứ- năm uẩn, và mười trí hiểu rõ, sáu thức nhận biết, tất cả các thứ tùy miên tùy tăng.

Pháp có sắc thì thâm nhiếp: Mười một giới- mười một xứ- một uẩn, và tám trí hiểu rõ (trừ tha tâm trí và diệt trí), sáu thức nhận biết, các thứ biến hành ở cõi Dục và cõi Sắc, các thứ tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn trừ.

Pháp vô sắc thâm nhiếp: Tám giới - hai xứ - bốn uẩn, và mười trí hiểu rõ, một thức nhận biết, tất cả các thứ tùy miên tùy tăng.

Pháp có thấy thâm nhiếp: Một giới, một xứ, một uẩn, và bảy trí hiểu rõ (trừ tha tâm trí, diệt trí, đạo trí), hai thức nhận biết, các thứ biến hành ở cõi Dục và Sắc, các thứ tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn trừ.

Pháp không thấy thâm nhiếp: Mười bảy giới- mười một xứ- năm uẩn, và mười trí hiểu rõ, năm thức nhận biết, tất cả các thứ tùy miên tùy tăng.

Pháp có đối thâm nhiếp: Mười giới - mười xứ - một uẩn, và bảy trí hiểu rõ (trừ tha tâm trí, diệt trí, đạo trí), sáu thức nhận biết, các biến hành ở cõi Dục và cõi Sắc, các thứ tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn trừ.

Pháp không có đối thâm nhiếp: Tám giới - hai xứ - năm uẩn, và mười trí hiểu rõ, một thức nhận biết, tất cả các thứ tùy miên tùy tăng.

Pháp hữu lậu thâm nhiếp: Mười tám giới - mười hai xứ - năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ diệt trí, đạo trí), sáu thức nhận biết và tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp vô lậu thâm nhiếp: Ba giới- hai xứ - năm uẩn, tám trí hiểu rõ (trừ khổ trí, tập trí), một thức nhận biết và không có tùy miên tùy tăng.

Pháp hữu vi thâm nhiếp: Mười tám giới- mười hai xứ- năm uẩn, chín trí hiểu rõ (trừ diệt trí), sáu thức nhận biết, tất cả các thứ tùy miên tùy tăng.

Pháp vô vi thâm nhiếp: Một giới- một xứ, không có uẩn, sáu trí hiểu rõ (trừ tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí), một thức nhận biết, không có các thứ tùy miên tùy tăng.

Pháp hữu tránh thâm nhiếp: Mười tám giới- mười hai xứ- năm uẩn, tám trí (trừ diệt trí, đạo trí), sáu thức nhận biết, tất cả các thứ tùy miên tùy tăng.

Pháp vô tránh thâm nhiếp: Ba giới- hai xứ - năm uẩn, tám trí (trừ khổ trí, tập trí), một thức nhận biết, không có các thứ tùy miên tùy tăng.

Các pháp: Thế gian - xuất thế gian, đọa giới - không đọa giới, có vị tham đắm - không vị tham đắm, pháp nương vào đam mê, pháp nương vào xuất ly..., cũng thế.

Pháp tâm thâm nhiếp: Bảy giới- một xứ- một uẩn, chín trí (trừ diệt trí), một thức nhận biết, tất cả các thứ tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tâm thâm nhiếp: Mười một giới - mười một xứ- bốn uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả các thứ tùy miên tùy tăng.

Pháp tâm sở thâm nhiếp: Một giới - một xứ - ba uẩn, chín trí (trừ diệt trí), một thức nhận biết, tất cả các thứ tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tâm sở thâm nhiếp: Mười tám giới - mười hai xứ - ba uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, và tất cả các tùy miên tùy tăng.

Các pháp tâm tương ứng và tâm bất tương ứng cũng thế.

Pháp tâm đều có thâm nhiếp: Mười một giới - mười một xứ - bốn uẩn, chín trí (trừ diệt trí), sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tâm đều có thâm nhiếp: Mười tám giới- mười hai xứ - ba uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp tùy tâm chuyển thâm nhiếp: Một giới- một xứ- bốn uẩn, chín trí (trừ diệt trí), một thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tùy tâm chuyển thâm nhiếp: Mười tám giới - mười hai xứ - ba uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp tâm làm nhân thâm nhiếp: Mười tám giới- mười hai xứ- năm uẩn, chín trí (trừ diệt trí), sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tâm làm nhân thâm nhiếp: Mười ba giới - mười hai xứ - ba uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, các biến hành của ba cõi và các tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn trừ.

Pháp tâm là đẳng vô gián duyên thâm nhiếp: Tám giới - hai xứ - bốn uẩn, chín trí (trừ diệt trí), một thức nhận biết, tất cả các thứ tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tâm là đẳng vô gián duyên thâm nhiếp: Mười tám giới- mười hai xứ - năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp tâm là sở duyên thâm nhiếp: Ba giới- hai xứ- bốn uẩn, chín trí (trừ diệt trí), một thức nhận biết, các thứ tùy miên tùy tăng duyên hữu vi trong ba cõi.

Pháp không phải tâm là sở duyên thâm nhiếp: Mười tám giới- mười hai xứ - năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp tâm là tăng thượng thâm nhiếp: Mười tám giới - mười hai xứ - năm uẩn, chín trí (trừ diệt trí), sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tâm là tăng thượng thâm nhiếp: Một giới- một xứ và không có uẩn, sáu trí (trừ tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp quả của tâm thâm nhiếp: Mười tám giới- mười hai xứ- năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải quả của tâm thâm nhiếp: Một giới - một xứ và không có uẩn, một trí hiểu rõ đó là thế tục trí, một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp tâm dị thực thâm nhiếp: Mười bảy giới - mười một xứ - năm uẩn, tám trí (trừ diệt trí, đạo trí), năm thức nhận biết (trừ nhĩ thức), các biến hành trong ba cõi và các thứ tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn trừ.

Pháp không phải tâm dị thực thâm nhiếp: Mười tám giới- mười hai xứ - năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp nghiệp thâm nhiếp: Ba giới - ba xứ - hai uẩn, chín trí (trừ diệt trí), ba thức nhận biết (trừ nhãn thức, nhĩ và ý thức), tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải nghiệp thâm nhiếp: Mười tám giới - mười hai xứ - năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết và tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp nghiệp tương ứng thâm nhiếp: Tám giới - hai xứ - bốn uẩn, chín trí (trừ diệt trí), một thức nhận biết, tất cả các thứ tùy miên tùy tăng.

Pháp nghiệp không tương ứng thâm nhiếp: Mười một giới - mười một xứ - hai uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết và tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp nghiệp đều có thâm nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, chín trí (trừ diệt trí), sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải nghiệp đều có thâm nhiếp: Mười một giới- mười một xứ - hai uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp tùy nghiệp chuyển thâm nhiếp: Tám giới - hai xứ - năm uẩn, chín trí (trừ diệt trí), một thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tùy nghiệp chuyển thâm nhiếp: Mười một giới- mười một xứ- hai uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp nghiệp làm nhân thâm nhiếp: Mười tám giới - mười hai xứ - năm uẩn, chín trí (trừ diệt trí), sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải nghiệp làm nhân thâm nhiếp: Mười một giới- mười một xứ - hai uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, các biến hành của ba cõi và các tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn trừ.

Pháp nghiệp là đẳng vô gián duyên thâm nhiếp: Tám giới- hai xứ- bốn uẩn, chín trí (trừ diệt trí), một thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải nghiệp là đẳng vô gián duyên thâm nhiếp: Mười tám giới - mười hai xứ - năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp nghiệp là sở duyên thâm nhiếp: Năm giới - hai xứ - bốn uẩn,

chín trí (trừ diệt trí), một thức nhận biết, các pháp hữu vi trong ba cõi duyên nơi tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải nghiệp là sở duyên thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp nghiệp là tăng thượng thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, chín trí (trừ diệt trí), sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải nghiệp là tăng thượng thân nhiếp: một giới - một xứ và không có uẩn, sáu trí (trừ tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp nghiệp quả thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải nghiệp quả thân nhiếp: Một giới-một xứ và không có uẩn, một trí hiểu rõ tức là thế tục trí, một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp nghiệp dị thực thân nhiếp: Mười bảy giới-mười một xứ-năm uẩn, tám trí (trừ diệt trí, đạo trí), năm thức nhận biết (trừ nhĩ thức), các biến hành trong ba cõi và các thứ tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn trừ.

Pháp không phải nghiệp dị thực thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp có thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn- tám trí (trừ diệt trí, đạo trí), sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải có thân nhiếp: Ba giới-hai xứ- năm uẩn, tám trí (trừ khổ trí, tập trí), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp có tương ứng thân nhiếp: Tám giới-hai xứ-bốn uẩn-tám trí (trừ diệt trí, đạo trí), một thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp có không tương ứng thân nhiếp: Mười ba giới-mười hai xứ-năm uẩn-mười trí, sáu thức nhận biết, các pháp hữu lậu duyên nơi các tùy miên tùy tăng trong ba cõi.

Pháp có đều có thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn-chín trí (trừ diệt trí), sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải có đều có thân nhiếp: Ba giới-hai xứ-năm uẩn, tám trí (trừ khổ trí, tập trí), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp tùy có chuyển và pháp có làm nhân thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, tám trí (trừ diệt trí, đạo trí), sáu thức nhận

biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tùy có chuyển và pháp không phải có làm nhân thân nhiếp: Ba giới-ba xứ-năm uẩn, tám trí (trừ khổ trí, tập trí), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp có là đẳng vô gián thân nhiếp: Tám giới-hai xứ-bốn uẩn, chín trí (trừ diệt trí), một thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải có là đẳng vô gián thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp có làm sở duyên thân nhiếp: Tám giới-hai xứ-bốn uẩn, chín trí (trừ diệt trí), một thức nhận biết, các pháp hữu lậu duyên nơi các tùy miên tùy tăng trong ba cõi.

Pháp không phải có làm sở duyên thân nhiếp: Mười ba giới-mười hai xứ-năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp có làm tăng thượng thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, chín trí (trừ diệt trí), sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải có làm tăng thượng thân nhiếp: Một giới-một xứ và không có uẩn, sáu trí (trừ tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp có quả thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, chín trí (trừ đạo trí), sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không có quả thân nhiếp: Ba giới-hai xứ-năm uẩn, tám trí (trừ khổ trí, tập trí), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp có quả dị thực thân nhiếp: Mười bảy giới-mười một xứ-năm uẩn, tám trí (trừ diệt trí, đạo trí), năm thức nhận biết (trừ nhĩ thức), các biến hành của ba cõi và các tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn trừ.

Pháp không có quả dị thực thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp trí biết khắp những gì được biết khắp thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết và tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải trí biết khắp những gì được biết khắp không thân nhiếp: Giới - xứ - uẩn - trí - thức - tùy miên tùy tăng. Vì pháp như thế là không thể có được.

Pháp đoạn dứt sự biết khắp những gì được biết khắp, tức là pháp cần phải đoạn trừ, pháp này thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, tám trí (trừ đạo trí, diệt trí), sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên

tùy tăng.

Pháp không phải đoạn dứt sự biết khắp những gì được nhận biết, tức là không phải pháp cần phải đoạn trừ, pháp này thâm nhiếp: Ba giới-hai xứ-năm uẩn, tám trí (trừ khổ trí, tập trí), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp cần phải tu thâm nhiếp: Mười giới- bốn xứ - năm uẩn, chín trí (trừ diệt trí), ba thức nhận biết, các biến hành ở ba cõi và các thứ tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn trừ.

Pháp không cần phải tu thâm nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, chín trí (trừ đạo trí), sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp trí tác chứng cần phải chứng thâm nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải trí tác chứng cần phải chứng không thâm nhiếp: Giới- xứ - uẩn - trí-thức - tùy miên tùy tăng. Vì pháp như thế không thể có được.

Pháp được tác chứng cần phải chứng thâm nhiếp: Mười hai giới-sáu xứ- năm uẩn, mười trí, ba thức nhận biết, các biến hành của ba cõi, các tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn trừ.

Pháp không được tác chứng cần phải chứng thâm nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, tám trí (trừ diệt trí, đạo trí), sáu thức nhận biết, và tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp cần phải rèn luyện thâm nhiếp: Mười giới- bốn xứ- năm uẩn, chín trí (trừ diệt trí), ba thức nhận biết, các biến hành trong ba cõi và các thứ tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn trừ.

Pháp không cần phải rèn luyện thâm nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, chín trí (trừ đạo trí), sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp có tội thâm nhiếp: Mười giới - bốn xứ - năm uẩn, tám trí (trừ diệt trí, đạo trí), ba thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp không có tội thâm nhiếp: Mười tám giới - mười hai xứ - năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, các biến hành trong ba cõi và các tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn trừ.

Các pháp trắng - đen, hữu phú vô phú, thuận thối, không phải thuận thối... cũng như thế.

Pháp hữu ký thâm nhiếp: Mười giới- bốn xứ- năm uẩn, mười trí, ba thức nhận biết, tất cả các biến hành ở Dục giới - Sắc giới - Vô sắc giới,

và các tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn trừ.

Pháp vô ký thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, tám trí (trừ diệt trí, đạo trí), sáu thức nhận biết, hai bộ Sắc- Vô sắc giới và tất cả Dục giới, cùng biến hành tùy miên tùy tăng do thấy tập mà đoạn trừ.

Pháp đã sinh thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, chín trí (trừ diệt trí), sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải đã sinh thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Các pháp: Chánh sinh- không phải chánh sinh, pháp đã diệt- không phải đã diệt, pháp chánh diệt- không phải chánh diệt... cũng như thế.

Pháp duyên khởi thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, chín trí (trừ diệt trí), sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải duyên khởi thân nhiếp: Một giới-một xứ và không có uẩn, sáu trí (trừ bốn trí: tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không có các thứ tùy miên tùy tăng.

Các pháp: Duyên đã sinh- không phải duyên đã sinh, pháp nhân- không phải nhân, pháp có nhân- không phải có nhân, pháp nhân đã sinh - không phải nhân đã sinh... cũng thế.

Pháp nhân tương ứng thân nhiếp: Tám giới-hai xứ-bốn uẩn, chín trí (trừ diệt trí), một thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp nhân không tương ứng thân nhiếp: Mười một giới- mười một xứ- hai uẩn, chín trí (trừ tha tâm trí), sáu thức nhận biết, và các thứ tùy miên tùy tăng duyên hữu lậu trong ba cõi.

Pháp kiết thân nhiếp: Một giới- một xứ- một uẩn, tám trí (trừ diệt trí, đạo trí), một thức nhận biết, trừ ra duyên vô lậu không cùng với vô minh, còn lại là tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải kiết thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp thuận kiết thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, tám trí (trừ diệt trí, đạo trí), sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải thuận kiết thân nhiếp: Ba giới-hai xứ-năm uẩn, tám trí (trừ khổ trí, tập trí), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp thủ (chấp giữ) thân nhiếp: Một giới-một xứ-một uẩn, tám trí (trừ diệt trí, đạo trí), một thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải thủ thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm

uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp có chấp thọ thâm nhiếp: Chín giới- chín xứ- một uẩn, bảy trí (trừ tha tâm trí, diệt trí, đạo trí), năm thức nhận biết, biến hành của Dục và Sắc giới, các tùy miên tùy tăng do tu đạo mà đoạn trừ.

Pháp không có chấp thọ thâm nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, và tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp thuận thủ (chấp giữ) thâm nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, tám trí (trừ diệt trí, đạo trí), sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải thuận thủ thâm nhiếp: Ba giới-hai xứ-năm uẩn, tám trí (trừ khổ trí, tập trí), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp phiền não thâm nhiếp: Một giới - một xứ - một uẩn, tám trí (trừ diệt trí, đạo trí), một thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải phiền não thâm nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp nhiếp ô thâm nhiếp: Mười giới - bốn xứ - năm uẩn, tám trí (trừ diệt trí, đạo trí), ba thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải nhiếp ô thâm nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, các biến hành trong ba cõi, các tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn trừ.

Pháp tạp nhiếp thâm nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, tám trí (trừ diệt trí, đạo trí), sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải tạp nhiếp thâm nhiếp: Ba giới- hai xứ- năm uẩn, năm trí (trừ khổ trí, tập trí), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp ràng buộc (triền) thâm nhiếp: Một giới- một xứ- một uẩn, tám trí (trừ diệt trí, đạo trí), một thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải ràng buộc thâm nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp bị ràng buộc thâm nhiếp: Tám giới-hai xứ-bốn uẩn, tám trí (trừ hai trí diệt, đạo), một thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không bị ràng buộc thâm nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, các tùy miên tùy tăng duyên hữu lậu ở ba cõi.

Pháp thuận ràng buộc thâm nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, tám trí (trừ hai trí diệt, đạo), sáu thức nhận biết, tất cả tùy

miên tùy tăng.

Pháp không thuận ràng buộc thân nhiếp: Ba giới-hai xứ-năm uẩn, tám trí (trừ khổ trí, tập trí), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp có sở duyên thân nhiếp: Hai giới-hai xứ-bốn uẩn, chín trí (trừ diệt trí), một thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp không có sở duyên thân nhiếp: Mười một giới-mười một xứ-hai uẩn, chín trí (trừ tha tâm trí), sáu thức nhận biết, các tùy miên tùy tăng duyên hữu lậu trong ba cõi.

Pháp có tầm thân nhiếp: Tám giới-hai xứ-bốn uẩn, chín trí (trừ diệt trí), một thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng ở Dục và Sắc giới.

Pháp không có tầm thân nhiếp: Mười ba giới-mười hai xứ-năm uẩn-mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp có tứ- không có tứ cũng như thế.

Pháp có hỷ thân nhiếp: Ba giới- hai xứ- ba uẩn, chín trí (trừ diệt trí), một thức nhận biết, tất cả ở Sắc giới, trừ ra nghi duyên vô lậu và pháp nó tương ứng với vô minh thuộc Dục giới, còn lại tất cả các tùy miên tùy tăng ở cõi Dục.

Pháp không có hỷ thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp có cảnh giác thân nhiếp: Tám giới-hai xứ-bốn uẩn, chín trí (trừ diệt trí), một thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp không có cảnh giác thân nhiếp: Mười một giới- mười một xứ- hai uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, và tất cả các tùy miên tùy tăng.

Các pháp có sự, có duyên, có trên đều thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, chín trí (trừ diệt trí), sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Các pháp không có sự, không có duyên, không có trên đều thân nhiếp: Một giới-một xứ và không có uẩn, sáu trí (trừ bốn trí: tha tâm, khổ, tập, đạo), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp xa thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, chín trí (trừ diệt trí), sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp gần thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp có lượng- không lượng cũng như thế.

Pháp kiến thân nhiếp: Hai giới-hai xứ-hai uẩn, chín trí (trừ diệt trí), một thức nhận biết, và duyên hữu lậu-duyên vô lậu-kiến tương ứng

với vô minh trong ba cõi và các tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải kiến thân nhiếp: Mười bảy giới-mười một xứ- năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, tất cả các tùy miên tùy tăng.

Pháp kiến xứ thân nhiếp: Mười tám giới-mười hai xứ-năm uẩn, tám trí (trừ hai trí diệt, đạo), sáu thức nhận biết, tất cả tùy miên tùy tăng.

Pháp không phải kiến xứ thân nhiếp: Ba giới- hai xứ - năm uẩn, tám trí (trừ hai trí khổ, tập), một thức nhận biết, không có tùy miên tùy tăng.

Pháp tương ứng với kiến thân nhiếp: Ba giới- hai xứ- bốn uẩn, chín trí (trừ diệt trí), một thức nhận biết, các duyên hữu lậu - vô lậu cùng kiến tương ứng với vô minh trong ba cõi và các tùy miên tùy tăng.

Pháp không tương ứng với kiến thân nhiếp: Mười tám giới- mười một xứ- năm uẩn, mười trí, sáu thức nhận biết, trừ ra kiến duyên vô lậu, còn lại tất cả các thứ tùy miên tùy tăng.

